

Bản án số:117/2026/HS-ST
Ngày:24/4/2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – PHÚ THỌ**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Bích

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đường Ngọc Đại và ông Nguyễn Danh Bình

Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Xuân Tú – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 – Phú Thọ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Phú Thọ tham gia phiên tòa: Bà Vũ Lan Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 – Phú Thọ. Tòa án nhân dân khu vực 8 – Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 79/2026/TLST-HS ngày 13 tháng 3 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 117/2026/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 4 năm 2026 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên **Hoàng Phúc L**, sinh năm 1989 tại Nghệ An; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: **Thôn B, xã Q, tỉnh Nghệ An**; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Nguyễn Phúc H** (đã chết) và bà **Hồ Thị C**; Vợ: **Nguyễn Thị Ngọc N**; con: Có 01 con sinh năm 2010.

- Tiền án: 01 tiền án. Tại Bản án số 01/HSST ngày 15/01/2020 của Tòa án nhân dân huyện Đồng Phú, **tỉnh Bình Phước xử phạt Hoàng Phúc L** 9 tháng tù tội: Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, án phí HSST: 200.000 đồng. Chấp hành xong hình phạt ngày 08/7/2020, chưa chấp hành xong án phí (chưa được xóa án tích).

- Tiền sự: Không;

- Nhân thân: Tại bản án số 23/HSST ngày 29/4/2010 của Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An xử phạt **Hoàng P** 09 tháng tù cho hưởng án treo (thời gian thử thách 17 tháng 24 ngày) về tội Trộm cắp tài sản, án phí HSST: 200.000 đồng, chấp hành xong án phí ngày 5/7/2010.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 03/8/2025 đến nay. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam số 02- **Công an tỉnh P**. (Có mặt)

2. Họ và tên **Dương Văn S**, sinh năm 1997 tại Phú Thọ; nơi đăng ký hộ khẩu

thường trú: TDP T, xã B, tỉnh Phú Thọ; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Dương Văn G và bà Dương Thị D; Vợ, con: Không.

- Tiền án, tiền sự: Không

- Nhân thân: Tại Bản án số 42/HSST ngày 11/8/2016 của Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc (cũ) xử phạt Dương Văn S 9 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 năm 06 tháng về tội: Trộm cắp tài sản, án phí HSST: 200.000 đồng. Chấp hành xong án phí ngày 03/11/2016, chấp hành xong thời gian thử thách của án treo ngày 11/02/2018 (Đã được xóa án tích).

Tại Bản án số 46/HSST ngày 28/8/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc (cũ) xử phạt Dương Văn S 02 năm 09 tháng tù tội: Mua bán trái phép chất ma túy, án phí HSST: 200.000 đồng. Chấp hành xong hình phạt ngày 20/9/2020, xong án phí ngày 29/10/2018 (đã được xóa án tích)

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 21/7/2025 đến nay. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam số 02- Công an tỉnh P. (Có mặt)

3. Họ và tên Nguyễn Thị H1, sinh năm 1990 tại Lào Cai; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Đ, xã Y, tỉnh Lào Cai; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Dao; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T (đã chết) và bà Nguyễn Thị Đ; Chồng La Văn L1 (đã ly hôn), con: có 01 con sinh năm 2012.

- Tiền án, tiền sự: Không

- Nhân thân: Tại Bản án số 44/HSST ngày 07/7/2017 của Tòa án nhân dân thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc (cũ) xử phạt Nguyễn Thị H1 02 năm 9 tháng tù tội: Mua bán trái phép chất ma túy, án phí HSST: 200.000 đồng. Chấp hành xong hình phạt từ ngày 28/4/2019, xong án phí ngày 21/9/2017 (đã được xóa án tích).

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 21/7/2025 đến nay. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam số 02- Công an tỉnh P. (Có mặt)

Người chứng kiến: Bà Đặng Thị T1, sinh năm 1972 (Vắng mặt)

Ông Vũ Văn T2, sinh năm 1980 (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hoàng Phúc L, Dương Văn S và Nguyễn Thị H1 là bạn chơi với nhau và cùng thuê trọ tại gia đình bà Đặng Thị T1 - sinh năm 1972 ở TDP Đ, xã B, tỉnh Phú Thọ (Lực thuê phòng trọ số 9 để ở cùng bạn gái là Bùi Thanh T3-sinh năm 2007 hộ khẩu thường trú Thôn Đ, xã S, tỉnh Tuyên Quang; còn S và H1 thuê phòng trọ số 6 ở cùng nhau).

Khoảng 13h ngày 20/07/2025, tại phòng trọ của L sau khi ăn trưa xong thì T3 đi ngủ trưa, L nói với S và H1 đi mua ma túy về để sử dụng thì S và H1 đồng ý

và đi về phòng trọ của mình. Đến khoảng hơn 14 giờ cùng ngày H1 sử dụng điện thoại di động vào mạng xã hội Zalo có tên tài khoản là “H” của mình liên hệ với tài khoản zalo có tên “Đình Núi” của Nguyễn Đình N1-sinh năm 1981, HKTT: TDP Đ, phường V, tỉnh Phú Thọ hỏi và mua được của N1 nửa hộp 5 ma túy đá với giá 1.700.000 đồng và hẹn gặp nhau tại khu vực TDP L, phường V, tỉnh Phú Thọ để trao đổi mua bán ma túy.

Sau khi hỏi mua được ma túy thì H1 bảo S sang phòng trọ của L nói lại cho L biết, S đồng ý và sang gặp L rồi thỏa thuận với nhau giá mua ma túy 1.700.000 đồng mỗi người chịu một nửa tiền, tuy nhiên do S chưa có tiền nên thống nhất S sẽ trả cho lực sau, còn H1 là người đi mua ma túy.

Đến khoảng 16 giờ cùng ngày 20/7/2025, S gọi xe taxi do anh Dương Văn H2- sinh năm 1996 ở TDP.Thích Chung, xã B, tỉnh Phú Thọ (người ở cùng tổ dân phố với S) điều khiển đến đón và chở H1 đi lên thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là phường V, tỉnh Phú Thọ) đi có việc. Sau đó, anh H2 đến đón và đi theo sự chỉ dẫn của H1, khi đi đến phường H, thành phố V (cũ) thì H1 trả cho anh H2 250.000 đồng tiền taxi và xuống xe rồi H1 một mình đi đến địa điểm đã hẹn gặp và mua được của N1 một nửa hộp 5 ma túy đá với giá 1.700.000 đồng và 03 viên ma túy ngựa với giá 200.000 đồng, tổng số tiền mua ma túy đá và ma túy ngựa là 1.900.000 đồng. H1 nhắn tin qua Zalo “H” đến zalo của S là “Dương Văn S” số tài khoản ngân hàng V số 102617888822 của Nguyễn Đình N1 để S bảo L chuyển tiền vào tài khoản cho N1. L đồng ý và chuyển tiền qua ứng dụng ngân hàng V1 số 109006543627 của mình trên điện thoại đến số tài khoản ngân hàng V số 102617888822 của N1 số tiền 1.900.000 đồng. Đến khoảng 19h thì H1 bắt xe taxi về nhà trọ gặp S, Hà đã đưa số ma túy vừa mua được cho S và S đưa lại số ma túy đó cho L cất giữ đồng thời S hỏi L và H1 về việc muốn rủ thêm bạn gái của S tên là N2 (Sáu không rõ tên tuổi, địa chỉ, số điện thoại của N2, liên lạc qua zalo là “Đăng N2”) đến để sử dụng ma túy cùng thì H1 và L đồng ý.

Sau đó, S đi đón N2 ở quán nước gần đó về phòng trọ thì gọi H1 và L sang phòng trọ số 6, L đi và cầm theo bộ dụng cụ để sử dụng ma túy mà trước đó S để trong phòng của mình gồm: 01 cóng thủy tinh, nắp chai bằng nhựa, bật lửa gas, ống hút bằng nhựa, đến nơi thì đưa cho S, S cầm và cho nước vào chai nhựa, lắp nắp chai và cầm ống nhựa, cắm cóng vào nắp chai tạo thành bộ dụng cụ để sử dụng ma túy. L lấy một phần ma túy đá, ma túy ngựa cho vào cóng rồi dùng bật lửa gas hơi nóng để tạo khói rồi sử dụng và lần lượt hơi cho H1, N2 sử dụng. Đến khoảng 21 giờ 30, khi L, S, H1, N2 sử dụng được khoảng 4 lượt thì L và N2 đi về phòng. Trước khi đi, L có nói với H1, S là cất ma túy để đến đêm L sang chơi tiếp, lúc này S và H1 cũng không sử dụng ma túy nữa mà cất số ma túy còn lại trong vỏ hộp điện thoại để sử dụng cho lần sau. Đến khoảng hơn 22 giờ cùng ngày, Cơ quan Công an xã B tiến hành kiểm tra hành chính phòng trọ thì L, H1 có khai nhận là

vừa sử dụng trái phép chất ma túy, cơ quan Công an đã thu giữ tang vật chứng gồm:

Thu trên giường nằm bên trong phòng trọ của **S** và **H1** 02 túi zip (túi zip viền màu xanh KT 02x02cm bên trong có chứa các tinh thể dạng đá màu trắng; túi zip viền màu đỏ KT 06x04cm bên trong có chứa các tinh thể dạng đá màu trắng và 03 viên nén màu hồng) **L**, **S**, **H1** đều khai nhận là ma túy đá và ma túy ngửa để sử dụng, tất cả được niêm phong ký hiệu A1.

- 01 chai nhựa thể tích 330ml nhãn hiệu Number one bên trong chứa nước, có nắp màu đen được đục hai lỗ thủng và được cắm 01 cóong thủy tinh, 01 ống nhựa được đấu nối bằng 04 đoạn ống nhựa có các màu đen, đỏ, hồng tím được niêm phong trong một thùng bìa cát tông, ký hiệu A2.

- 01 hộp bìa cứng hình chữ nhật bên trong có 03 chiếc bật lửa ga và 02 chiếc cóong thủy tinh được niêm phong, ký hiệu A3.

- Tạm giữ của **Nguyễn Thị H1** 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi8 màu đen đã cũ; của **Dương Văn S** 01 điện thoại di động nhãn hiệu VivoY17 màu xanh đã cũ.

Ngoài ra, còn thu mẫu nước tiểu của **Nguyễn Thị H1**, **Dương Văn S**, **Bùi Thanh T3** (bạn gái của **L**) để giám định phục vụ công tác điều tra.

Tại thời điểm kiểm tra thì **Hoàng Phúc L** không có mặt ở phòng trọ, đến ngày 01/8/2025 Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tiến hành triệu tập và đưa **L** về trụ sở làm việc. Tại cơ quan điều tra, **L** đã khai nhận toàn bộ hành vi mình cùng **S**, **H1**, **N2** sử dụng, tàng trữ trái phép chất ma túy như nội dung đã nêu trên đồng thời giao nộp lại cho Cảnh sát điều tra: 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu xanh đã cũ để phục vụ công tác điều tra.

- Tại kết luận giám định số 962, ngày 29/7/2025, **Phòng K**, **Công an tỉnh P** giám định và kết luận:

“4.1. Các viên nén màu hồng có trong mẫu ký hiệu A1 gửi giám định là ma túy loại Methamphetamine có tổng khối lượng 0,2810g (Không phẩy hai tám một không gam, không kể bao bì)

4.2. Tinh thể dạng đá màu trắng có trong mẫu ký hiệu A1 gửi giám định là ma túy loại Methamphetamine có tổng khối lượng 1,5052g (Một phẩy năm không năm hai gam, không kể bao bì)

4.3. Tìm thấy chất ma túy Methamphetamine bám dính trong các mẫu ký hiệu A2, A3 gửi giám định. Không xác định được khối lượng của chất ma túy Methamphetamine có trong các mẫu A2, A3 gửi giám định do tồn tại ở dạng vi vết (khối lượng ma túy quá nhỏ)”

Hoàn lại đối tượng sau giám định gồm A1 hồng= 0,2435 gam; A1 trắng = 1,4080 gam; A2 gồm 01 một hộp giấy, 01 chai nhựa nhãn hiệu Number one không có nắp, 01 nắp nhựa màu đen có đục thủng hai lỗ, bên trên có gắn 01 cóong thủy

tinh và 01 đoạn ống nhựa được ghép bởi 04 đoạn ống nhựa màu đen, đỏ, hồng, tím; A3 gồm 02 bật lửa gas màu đỏ, 01 bật lửa gas màu xanh tím, 02 coong thủy tinh sau giám định cùng toàn bộ bao gói được niêm phong trong bao gói mẫu trả ghi “mẫu trả vụ 222/2025”.

- Tại bản Kết luận giám định số 963 ngày 29/7/2025 của Phòng K - Công an tỉnh P giám định và kết luận:

“5.1.Tìm thấy chất ma túy Methamphetamine trong các mẫu nước tiểu thu của Nguyễn Thị H1, SN 1990, nơi thường trú: thôn Đ, xã Y, tỉnh Lào Cai (ký hiệu T1) và Dương Văn S, SN 1997, nơi thường trú: TDP.Thích Chung, xã B, tỉnh Phú Thọ (ký hiệu T2 gửi giám định).

5.2. Không tìm thấy chất ma túy thường gặp (Morphine, H3, Methamphetamine, MDMA, Ketamine, 2C-B, TFMPP) trong mẫu nước tiểu thu của Bùi Thanh T3, SN 2007, nơi thường trú: thôn Đ, xã S, tỉnh Tuyên Quang (ký hiệu T3) gửi giám định.” H4 lại đối tượng sau giám định: Không.

Tại Cơ quan điều tra các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Tại Bản cáo trạng số: 123 CT – VKSKV8 ngày 12 tháng 3 năm 2026, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Phú Thọ truy tố các bị cáo Hoàng Phúc L, Dương Văn S, Nguyễn Thị Hà T4 “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” và tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 255 và điểm c Khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo đều khai nhận thành khẩn về hành vi phạm tội của mình như nội dung nêu trên, thừa nhận Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Phú Thọ truy tố các bị cáo là đúng, đề nghị Hội đồng xét xử cho các bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát luận tội, giữ nguyên quan điểm truy tố Hoàng Phúc L, Dương Văn S, Nguyễn Thị H1 về tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy quy định tại Khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự và tội Tàng trữ trái phép chất ma túy quy định tại Khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự. Sau khi đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và các tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng:

Áp dụng Điểm b khoản 2 Điều 255 BLHS; điểm c khoản 1 Điều 249 BLHS; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 55 BLHS: đề nghị xử phạt bị cáo Hoàng Phúc L từ 8 năm đến 8 năm 3 tháng tù đối với tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy; từ 3 năm đến 3 năm 6 tháng tù tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Tổng hợp hình phạt cho cả hai tội là từ 11 năm đến 11 năm 9 tháng tù, thời hạn tù tính kể từ ngày bị cáo bắt tạm giam từ ngày 03/8/2025.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255, điểm c khoản 1 Điều 249 BLHS; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 55 BLHS: đề nghị xử phạt bị cáo Dương Văn S từ 7 năm 9

tháng từ đến 8 năm tù đối với tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy; từ 3 năm đến 3 năm 6 tháng tù đối với tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Tổng hợp hình phạt cho cả hai tội là từ 10 năm 9 tháng tù đến 11 năm 6 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/7/2025.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255, điểm c khoản 1 Điều 249 BLHS; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 55 BLHS: đề nghị xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị H1** từ 7 năm 6 tháng đến 7 năm 9 tháng tù tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy; từ 3 năm đến 3 năm 6 tháng tù tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Tổng hợp hình phạt cho cả hai tội là từ 10 năm 6 tháng đến 11 năm 3 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/7/2025.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về vật chứng của vụ án, án phí: đề nghị Tòa án xử lý, giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa các bị cáo không có khiếu nại gì, đại diện Viện kiểm sát không có ý kiến gì về các hoạt động tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người có thẩm quyền tiến hành tố tụng.

Sau khi thẩm tra các chứng cứ có trong hồ sơ, nghe lời khai của bị cáo, ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Phú Thọ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án: Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo **Hoàng Phúc L**, **Dương Văn S**, **Nguyễn Thị H1** đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Phú Thọ đã truy tố. Xét lời nhận tội của các bị cáo là phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ như: Biên bản sự việc ngày 20 tháng 7 năm 2025, lời khai của các bị cáo, của người chứng kiến; phù hợp với vật chứng thu giữ được. Vì vậy, có đủ cơ sở để khẳng định: Khoảng 21h ngày 20/7/2025 tại phòng trọ số 6 thuộc khu nhà trọ của gia đình bà **Đặng Thị T1** - sinh năm 1972 ở **TDP Đ, xã B, tỉnh Phú Thọ**, **Hoàng Phúc L**, **Dương Văn S** và **Nguyễn Thị H1** cùng nhau tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy cho bản thân và bạn của **S** là **N2** (không rõ tên tuổi địa chỉ cụ thể), đến khoảng 21h30p thì không sử dụng nữa do tất cả đã thỏa mãn cho việc dùng ma túy,

còn lại 1,7862gam ma túy Methamphetamine **L**, **S** và **H1** thống nhất cùng nhau để **S** và **H1** cất giữ lại, mục đích để sử dụng cho lần sau. Đến 22h cùng ngày, **Công an xã B**, tỉnh Phú Thọ kiểm tra, phát hiện, lập biên bản sự việc, thu giữ toàn bộ vật chứng về hành vi tàng trữ, sử dụng trái phép chất ma túy.

Hành vi nêu trên của các bị cáo **Hoàng Phúc L**, **Dương Văn S**, **Nguyễn Thị H1** đã phạm vào tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” và tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự và điểm c Khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự, cụ thể điều luật quy định.

Điểm b Khoản 2 Điều 255 BLHS quy định:

“1. Người nào tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy dưới bất kỳ hình thức nào....

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm.

b) Đối với 02 người trở lên;

Điểm c khoản 1 Điều 249 quy định:

“1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 05 năm:

...c) Heroine, **C1**, **M**, **A**, Ketamine, **F**, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 0,1gam đến dưới 05 gam;...”

Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Phú Thọ truy tố các bị cáo theo Cáo trạng số: 123/CT – VKSKV8 ngày 12 tháng 3 năm 2025 là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất vụ án là rất nghiêm trọng, hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến tính chất độc quyền về quản lý các chất gây nghiện của Nhà nước, là nguyên nhân, phát sinh các tệ nạn xã hội, làm ảnh hưởng đến phong trào phòng chống các tệ nạn xã hội ở địa phương, loại tội phạm này hiện nay ngày càng ra tăng; Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm bị cáo và xử phạt bị cáo mức hình phạt tù như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Phú Thọ, nhằm giáo dục riêng đối với các bị cáo và phòng ngừa chung trong toàn xã hội.

[4] Xét nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự và vai trò của từng bị cáo trong vụ án. Hội đồng xét xử thấy rằng:

Đối với bị cáo **Hoàng Phúc L**: Là người khởi xướng, chuyển tiền mua ma túy, cầm bộ dụng cụ để sử dụng ma túy đến, cho ma túy vào cóong và trực tiếp sử dụng ma túy sau đó bàn, thống nhất để lượng ma túy còn lại cho **H1** và **S** cất giữ để tiếp tục sử dụng vào lần sau. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình

sự. Về tình tiết tăng nặng bị cáo một lần bị kết án chưa được xóa án tích nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Trước khi phạm tội bị cáo có nhân thân xấu đã hai lần bị kết án. Bị cáo không lấy đó làm bài học cho mình mà tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội nên cần có hình phạt nghiêm khắc đối với bị cáo như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát mới có tác dụng giáo dục riêng đối với bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

Đối với bị cáo **Dương Văn S**: Bị cáo giữ vai trò là đồng phạm giúp sức tích cực, là người chuẩn bị các dụng cụ để sử dụng ma túy, góp tiền cùng với **L** để mua ma túy, người lắp bộ dụng cụ do **L** mang đến và bật lửa hơ coong để sử dụng ma túy và hơ coong cho **H1**, **N2** sử dụng ma túy. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng. Tuy nhiên, bị cáo là người có nhân thân xấu, một lần bị kết án về tội “Trộm cắp tài sản”, một lần bị kết án về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Do vậy cần có hình phạt nghiêm khắc với bị cáo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát mới có tác dụng giáo dục riêng đối với bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

Đối với bị cáo **Nguyễn Thị H1**: Bị cáo giữ vai trò là đồng phạm giúp sức tích cực, là người trực tiếp đi mua ma túy, chuẩn bị địa điểm là phòng trọ của mình để sử dụng ma túy, và cùng **S** cất giữ lượng ma túy còn lại tại giường trong phòng trọ của mình. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Về tình tiết tăng nặng bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Tuy nhiên bị cáo là người có nhân thân xấu, đã bị kết án về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Do vậy cần có hình phạt nghiêm khắc với bị cáo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát mới có tác dụng giáo dục riêng đối với bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

Trong vụ án này, các bị cáo đều phạm 2 tội nên cần áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt đối với các bị cáo.

[5] Về hình phạt bổ sung: Quá trình điều tra và tại phiên tòa làm rõ, các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có tài sản gì ở gia đình và địa phương nên không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[6] Về vật chứng của vụ án:

Mẫu hoàn lại sau giám định gồm A1 hồng = 0,2435 gam; A1 trắng = 1,4080 gam; A2 gồm 01 một hộp giấy, 01 chai nhựa nhãn hiệu Number one không có nắp, 01 nắp nhựa màu đen có đục thủng hai lỗ, bên trên có gắn 01 cóong thủy tinh và 01 đoạn ống nhựa được ghép bởi 04 đoạn ống nhựa màu đen, đỏ, hồng, tím; A3 gồm 02 bật lửa gas màu đỏ, 01 bật lửa gas màu xanh tím, 02 coong thủy tinh sau giám

định cùng toàn bộ bao gói được niêm phong trong bao gói mẫu trả ghi “mẫu trả vụ 222/2025” cần tịch thu tiêu hủy.

Tịch thu bán phát mại sung quỹ Nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo màu xanh số Imei 1: 868989041790713; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi8 số Imei 1: 863298040970036; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO số imei 1: 869447051940412. Tịch thu tiêu hủy các thẻ sim điện thoại lắp trong 03 điện thoại nêu trên.

Đối với số tiền 1.900.000 đồng **L** chuyển vào tài khoản của **Nguyễn Đình N1** để ma túy, Cơ quan điều tra đã phong tỏa tài khoản của **N1** và xem xét giải quyết trong vụ án Mua bán trái phép chất ma túy xảy ra ngày 21/7/2025 nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Trong vụ án này còn có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của **N2** (bạn của **S**) là người cùng sử dụng ma túy với các bị cáo, quá trình điều tra xác định **S** đưa **N2** đến và **N2** không được bàn bạc, không góp tiền, không tham gia chuẩn bị công cụ, phương tiện, ma túy để tổ chức sử dụng ma túy, nên không đồng phạm với các bị cáo về tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Tuy nhiên đề nghị cơ quan điều tra tiếp tục xác minh làm rõ hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của **N2** để xử lý theo quy định pháp luật.

Đối với **Nguyễn Đình N1** là người bán trái phép chất ma túy cho **Nguyễn Thị H1** ngày 20/7/2025. Tuy nhiên, **Nguyễn Đình N1** bị cơ quan Công an tỉnh P khởi tố vụ án, khởi tố bị can, áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam về hành vi mua bán trái phép chất ma túy ngày 21/7/2025 tại TDP Lẻ 2, phường V, tỉnh Phú Thọ theo quy định tại Khoản 2 Điều 251 BLHS. Quá trình điều tra, **Nguyễn Đình N1** khai nhận ngoài hành vi Mua bán trái phép chất ma túy ngày 21/7/2025, **N1** còn thực hiện hành vi Mua bán trái phép chất ma túy với **Nguyễn Thị H1** vào ngày 20/7/2025 như **Nguyễn Thị H1** đã khai nhận. Cơ quan CSĐT đã kết luận đối với hành vi mua bán ma túy của **N1** cho **H1** nêu trên và chuyển hồ sơ đến Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10-Phú Thọ truy tố theo quy định của pháp luật. Do vậy, không đề cập xử lý đối với hành vi mua bán trái phép chất ma túy của **Nguyễn Đình N1** ngày 20/7/2025 trong vụ án này là phù hợp.

Đối với **Bùi Thanh T3** là bạn gái ở cùng phòng trọ với **Hoàng Phúc L** nhưng **T3** không biết việc **L**, **H1**, **S** cùng nhau sử dụng trái phép chất ma túy ngày 20/7/2025. Do vậy Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là có căn cứ.

Đối với anh **Dương Văn H2** là lái xe taxi chở **H1** đi mua ma túy ngày 20/7/2025, anh **H2** không biết, **S** và **H1** cũng không nói cho anh **H2** biết việc **H1** đi mua ma túy về để sử dụng, nên không xem xét xử lý là có căn cứ.

Đối với bà **Đặng Thị Thà L2** chủ nhà trọ, khi cho các bị cáo thuê phòng để ở không biết việc các bị cáo dùng để sử dụng trái phép chất ma túy nên không xem xét giải quyết là có căn cứ.

[8] Về án phí: Các bị cáo **Hoàng Phúc L**, **Dương Văn S**, **Nguyễn Thị H1** mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo **Hoàng Phúc L**, **Dương Văn S**, **Nguyễn Thị H1** phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” và “Tàng trữ trái phép chất ma túy”

Áp dụng điểm c Khoản 1 Điều 249 và Điểm b Khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, khoản 1 Điều 55 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo **Hoàng Phúc L** 03(Ba) năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và 08 (T5) năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Buộc bị cáo phải chấp hành phạt chung của hai tội là 11 (Mười một) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam ngày 03/8/2025;

Áp dụng điểm c Khoản 1 Điều 249 và Điểm b Khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 55 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo **Dương Văn S** 03 (Ba) năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và 07 (Bảy) năm 09 (C2) tháng tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Buộc bị cáo phải chấp hành phạt chung của hai tội là 10 (Mười) năm 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ tạm giam ngày 21/7/2025;

Áp dụng điểm c Khoản 1 Điều 249 và Điểm b Khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 55 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị H1** 03(Ba) năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và 07 (Bảy) năm 06 (S) tháng tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Buộc bị cáo phải chấp hành phạt chung của hai tội là 10 (Mười) năm 06 (S) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ tạm giam ngày 21/7/2025.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

Tịch thu tiêu hủy mẫu vật gồm: Mẫu hoàn lại sau giám định gồm A1 hồng= 0,2435 gam; A1 trắng = 1,4080 gam; A2 gồm 01 một hộp giấy, 01 chai nhựa nhãn hiệu Number one không có nắp, 01 nắp nhựa màu đen có đục thủng hai lỗ, bên trên có gắn 01 cóong thủy tinh và 01 đoạn ống nhựa được ghép bởi 04 đoạn ống nhựa màu đen, đỏ, hồng, tím; A3 gồm 02 bật lửa gas màu đỏ, 01 bật lửa gas màu xanh tím, 02 coong thủy tinh sau giám định cùng toàn bộ bao gói được niêm phong trong bao gói mẫu trả ghi “mẫu trả vụ 222/2025”.

Tịch thu bán phát mại sung quy Nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo màu xanh số Imei 1: 868989041790713 của **Dương Văn S**; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi8 số Imei 1: 863298040970036 của **Nguyễn Thị H1**; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO số imei 1: 869447051940412 của **Hoàng Phúc L**. Tịch thu tiêu hủy các Thẻ sim điện thoại lắp trong 03 điện thoại nêu trên.

(Vật chứng có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng lập ngày 26 tháng 3 năm 2026 tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 8 – Phú Thọ)

Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Buộc bị cáo **Hoàng Phúc L**, **Dương Văn S**, **Nguyễn Thị H1** mỗi bị cáo phải nộp 200.000đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án các bị cáo có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu xét xử phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND khu vực 8 – Phú Thọ;
- Trại tạm giam số 02- CA tỉnh Phú Thọ
- Công an tỉnh Phú Thọ;
- Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ;
- Phòng THADS khu vực 8- tỉnh Phú Thọ;
- Cơ quan THA hình sự- CA tỉnh Phú Thọ;
- UBND xã Yên Thành, tỉnh Lào Cai
- UBND xã Quỳnh Anh, tỉnh Nghệ An
- UBND xã Bình Tuyền, tỉnh Phú Thọ
- Bị cáo; Lưu HS, VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Hoàng Văn Bích